

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2808 /TCT- TNCN
V/v sửa đổi chứng từ thu thuế
TNCN theo Luật thuế TNCN

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2008

Kính gửi: Cục thuế tỉnh, thành phố*Hà Nội*.....

Thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất và Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, Tổng cục Thuế đã nghiên cứu, trình Bộ ban hành các chứng từ thu để cấp cho cá nhân nộp thuế (bản photocopy kèm theo), cụ thể:

- Cá nhân có thu nhập từ kinh doanh nộp thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng biên lai thu thuế mẫu số CTT50 (áp dụng chung với các loại thuế GTGT hoặc TTĐB);
- Cá nhân có thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất sử dụng biên lai theo mẫu số CTT43;
- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công nộp thuế thu nhập cá nhân (TNCN) sử dụng 2 loại chứng từ là:
 - + Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập - mẫu CTT54: áp dụng đối với các đối tượng bị khấu trừ thuế 10%;
 - + Biên lai thuế thu nhập - mẫu CTT10B: áp dụng đối với các đối tượng có thu nhập thường xuyên.

Mục đích của việc cấp chứng từ thu thuế nhằm xác định số thuế đã nộp trong kỳ. Trường hợp cá nhân xin hoàn thuế thì chứng từ thu là căn cứ để hoàn thuế, trong một số trường hợp chứng từ nộp thuế còn làm căn cứ để cá nhân thực hiện tiếp các quyền khác như đăng ký sở hữu hoặc sử dụng tài sản với cơ quan quản lý hoặc đối với cá nhân người nước ngoài, chứng từ thu thuế ở Việt Nam được làm căn cứ để tính giảm trừ khi tính số thuế TNCN phải nộp ở nước cá nhân cư trú.

Từ 1/1/2009 thực hiện Luật thuế TNCN, cá nhân có thu nhập từ kinh doanh và cá nhân chuyển quyền sử dụng đất sẽ chuyển sang nộp thuế TNCN. Ngoài ra, cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn, từ kinh doanh chứng khoán, từ thừa kế, quà tặng ... cũng phải nộp thuế TNCN. Vì vậy, cần thiết phải nghiên cứu ban hành các loại chứng từ thu mới cho phù hợp để làm căn cứ xác định số thuế TNCN đã nộp của từng cá nhân. Tổng cục thuế dự kiến để thuận tiện cho cơ quan thuế trong việc in ấn, quản lý, sử dụng thì chỉ nên ban hành hai loại chứng từ thu thuế TNCN để áp dụng riêng cho từng trường hợp, cụ thể như sau:

1. Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (mẫu đính kèm): dùng cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cấp cho cá nhân khi thực hiện khấu trừ tại nguồn đối với các khoản thu nhập theo quy định của Luật thuế TNCN phải khấu trừ thuế trước khi chi trả thu nhập như thu nhập: từ tiền lương, tiền công, từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán, trúng thưởng...

Về nội dung các chi tiêu cụ thể tại mẫu chứng từ: về cơ bản vẫn giữ nguyên nội dung theo mẫu CTT 54 đã ban hành, chỉ sửa đổi, bổ sung một số điểm nhỏ cho phù hợp với Luật quản lý thuế và Luật thuế TNCN, như:

- + Bổ sung tên gọi: là Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thay cho tên gọi trước đây là Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập để phân biệt khấu trừ thuế TNCN với khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các đối tượng là nhà thầu.

- + Bổ sung thêm dòng “Là cá nhân cư trú/không cư trú (phần không đúng gạch chéo)”.

- + Bổ sung thêm cột “Nội dung chi trả” để giúp cơ quan thuế có thể thống kê phân loại khoản thu nhập mà cơ quan chi trả đã thực hiện khấu trừ tại nguồn.

- + Tại phần cơ quan chi trả ký tên đóng dấu, bổ sung thêm dòng “Thừa ủy quyền Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính” mục đích để cá nhân người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam có thể sử dụng ngay chứng từ khấu trừ thuế làm căn cứ để xác nhận về số thuế TNCN đã nộp ở Việt Nam khi cá nhân về nước mà không cần phải xin xác nhận lại của cơ quan thuế. Việc sử dụng cụm từ này tương tự như trường hợp chứng từ thu thuế cước áp dụng đối với các đơn vị đại lý vận tải biển.

2. Biên lai thuế thu nhập cá nhân (mẫu đính kèm): dùng cho cơ quan thuế để cấp cho các cá nhân trực tiếp khai và nộp thuế với cơ quan thuế như: cá nhân kinh doanh, cá nhân có thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng, chuyển nhượng bất động sản, từ chuyển nhượng vốn và cá nhân nộp thuế khi quyết toán thuế.

Tổng cục Thuế dự kiến sử dụng một mẫu chung để thu đối với tất cả các khoản thuế thu nhập cá nhân do cơ quan thuế trực tiếp thu như thuế TNCN đối với cá nhân kinh doanh, cá nhân chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng vốn, nhận thừa kế, quà tặng, kể cả trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán phải nộp thêm khi quyết toán thuế. So với mẫu Biên lai thuế thu nhập cũ thì mẫu Biên lai mới bổ sung như sau:

- + Về tên gọi: là Biên lai thuế thu nhập cá nhân để phân biệt rõ đây là thuế thu nhập cá nhân (mẫu trước chỉ gọi là Biên lai thuế thu nhập).

- + Bổ dòng tên, mã số thuế cơ quan chi trả thu nhập thay vào đó là dòng “Khoản thu nhập” ghi rõ nội dung khoản thu nhập cá nhân nhận được phải nộp thuế để phục vụ cho việc thống kê.

- + Bổ sung thêm cột “Thu nhập tính thuế” và “số thuế còn phải nộp” để xác định được số thuế TNCN phải nộp rõ hơn.

+ Sửa cột “số thuế thu nhập đã khấu trừ/dã nộp” thành cột “số thuế đã tạm nộp/dã khấu trừ” để phân biệt số thuế đã tạm nộp/ đã khấu trừ và số thuế còn phải nộp theo quyết toán.

Để tạo điều kiện cho cá nhân người nước ngoài thuận tiện trong việc xác định số thuế TNCN đã nộp ở Việt Nam thì chứng từ khấu trừ thuế và Biên lai thuế thu nhập cá nhân cần được in song ngữ.

Tổng cục Thuế gửi kèm công văn này dự thảo mẫu chứng từ thu thuế TNCN kèm theo, đề nghị Cục Thuế các tỉnh, thành phố có ý kiến tham gia đề Tổng cục Thuế tổng hợp hoàn chỉnh trình Bộ in, phát hành thực hiện từ ngày 1/1/2009

Ý kiến tham gia gửi về Tổng cục Thuế (Ban quản lý thuế thu nhập cá nhân)
– 123 phố Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà nội trước ngày 30/7/2008./.

Trq

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban PC,CST, TVQT
- Lưu: VT, TNCN (2b) *20*

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Lê Hồng Hải

CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Liên 1: Bảo soát)

I/ Thông tin Người chi trả thu nhập:

1. Tên Người chi trả thu nhập:

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ:

4. Điện thoại

II/ Thông tin Người thụ hưởng thu nhập:

1. Người nộp thuế:

2. Mã số thuế:

3. Quốc tịch

4. Là cá nhân cư trú/không cư trú (phần không đúng gạch chéo)

5. Địa chỉ hoặc số điện thoại liên hệ:

6. Số CMT/Số hộ chiếu

7. Nơi cấp:

III/ Thông tin thu nhập được khấu trừ:

TT	Nội dung chi trả thu nhập	Số tiền Người chi trả thu nhập trả cho cá nhân	Số tiền thuế thu nhập đã khấu trừ	Số tiền thu nhập cá nhân còn được nhận
[1]	[2]	[3]	[4]	[5] = [3] - [4]

8. Số tiền thuế TNCN đã khấu trừ (bằng chữ):

..., ngày tháng năm

TUQ. TỔNG CỤC THUẾ - BỘ TÀI CHÍNH
NGƯỜI CHI TRẢ THU NHẬP
(Ký tên, đóng dấu)

BIÊN LAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Liên 1: Bảo soát)

1. Người nộp thuế:

2. Mã số thuế:

3. Quốc tịch:

4. Địa chỉ hoặc số điện thoại liên hệ:

5. Số CMT/Số hộ chiếu:

6. Nơi cấp:

7. Khoản thu nhập:

Kỳ nộp thuế	Thu nhập chịu thuế	Thu nhập tính thuế	Số thuế phải nộp	Số thuế đã tạm nộp/đã khấu trừ	Số thuế còn phải nộp
1	2	3	4	5	6
Tháng					
Năm					
Cộng					

8. Tổng số thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp (bằng chữ):

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký tên, đóng dấu) *Tư*

MAILED 50
APR 2004

Cổ phiếu thu:

BIÊN LẠI THUẾ

(Liên 1: Bảo soát)

sooooooooo

.....ngày.....tháng.....năm.....

Họ tên người nộp thuế: MST: [] [] [] [] [] [] [] []

ឆ្លើយតប៖

Căn cứ thông báo nộp thuế của: Đang chờ xử lý Số thuế phải nộp theo thông:

So: Ngay khi đang nằm ở

Nội dung thư:.....

Số thuế nộp kỳ này: 1.000.000.000

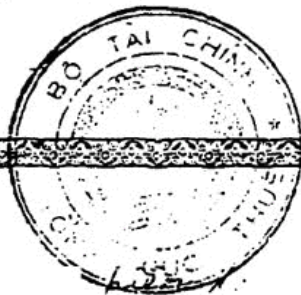
Số thuế nơ ký trước (nếu có):

Tổng cộng số thuế nào

Số tiền bằng chữ:

Người viết biên lai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người thu tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)



TỔNG CỤC THUẾ
Chi cục thuế

QUỐC LÃI THU THUẾ

AA/2006

BIÊN LAI THU THUẾ
CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Liên 1: Báo soát)

Mã số:

Người nộp thuế:..... Đơn vị:.....

Ở số nhà:..... Phố (xóm)..... Xã (phường).....

Quận (huyện)..... Tỉnh (thành phố).....

Loại đất	Diện tích chịu thuế (m ²)	Giá tính thuế (đ/m ²)	Tổng trị giá tính thuế (đ)	Thuế suất (%)	Số thuế miễn giảm (đ)	Số thuế phải nộp (đ)
		CÔNG TY IN TÀI CHÍNH				
CỘNG		MẤU				

Tổng số thuế phải nộp viết bằng chữ:.....

Ngày..... tháng..... năm 200.....

Người thu tiền - Mã số:.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ
MINISTRY OF FINANCE
GENERAL DEPARTMENT OF TAXATION



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

Mẫu số (Form No.): CTT10-B
Ký hiệu (Serial No.):
Số (No.): 0000000

BIÊN LAI THUẾ THU NHẬP
(Liên 1: Bảo soát)
RECEIPT OF INCOME TAX PAYMENT
(Original 1: For checking)

Mã số thuế cá nhân (Tax Identification Number):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Tên người nộp thuế (Full name of taxpayer):

Quốc tịch (Nationality):

Địa chỉ hoặc số điện thoại liên hệ (Contact Address or Telephone number):

Số chứng minh thư / Số hộ chiếu (ID/Passport number):

Nơi cấp (Place of issuance):

Tên cơ quan chi trả thu nhập (Name of income paying organization):

Mã số thuế cơ quan chi trả thu nhập (TIN of income paying organization):

Kỳ nộp thuế (Tax period)	Thu nhập chịu thuế (Taxable income)	Thuế thu nhập phải nộp (Income Tax payable)	Số tiền thuế thu nhập đã khấu trừ/dã nộp (Amount of income tax withheld/paid)
1	2	3	4
Tháng (Month):			<div>CÔNG TY IN TÀI CHÍNH</div> <div>MÃU</div>
Năm (Year):			
Cộng (Total):			

- Tổng số thuế thu nhập đã khấu trừ/dã nộp (Bằng chữ) (Total income tax withheld/paid - in words):

Ngày (Date)..... tháng (month)..... năm (year) 200....

CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP / CƠ QUAN THUẾ
(Income paying organization/Tax Department)
(Ký tên, đóng dấu - Sign and seal)

Ghi chú: - liên 1: Bảo soát

- liên 2: Giao cho người nộp thuế

- liên 3: Lưu

108

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số (Form No): CIT 54
Ký hiệu (Serial No): AA/2004
Số (No):

MINISTRY OF FINANCE
GENERAL DEPARTMENT OF TAXATION

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

0000000



CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP

(Liên 1 - Bảo soát)

CERTIFICATE OF INCOME TAX WITHHOLDING

(Original 1: For checking)

A/ Cơ quan chi trả thu nhập (Income paying organization):

Mã số thuế cơ quan chi trả thu nhập (nếu có) [TIN (if any)]:

Tên cơ quan chi trả thu nhập (Name of income paying organization):

Địa chỉ cơ quan chi trả (Address of income paying organization):

Số điện thoại (Telephone Number):

B/ Cá nhân (Individual recipient of income):

Mã số thuế cá nhân (nếu có) [TIN (if any)]:

Tên người nộp thuế (Full name of recipient):

Quốc tịch (Nationality):

Địa chỉ liên hệ hoặc số điện thoại liên hệ:

Số chứng minh thư / Số hộ chiếu (ID Card / Passport No.):

Nơi cấp / Place of Issuance:

C/ Số tiền thuế thu nhập đã khấu trừ (Total of income tax withheld):

1. Số tiền cơ quan chi trả thu nhập cho:

2. Số tiền thuế thu nhập đã khấu trừ 10% (Total of 10% income tax withheld):

3. Số tiền thu nhập cá nhân còn được nhận (Total of individual income received):

Ngày (date) tháng (month) năm (year) 200

CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP

(Ký, đóng dấu, dán tem và seal)

Chú ý: Liên 1 - Bảo soát

- Liên 2 - Giao người có TNGT bị khấu trừ

- Liên 3 - Giữ cơ quan chi trả thu nhập